

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019**

**Hà Nội - Tháng 8 năm 2019**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.085.622.472.650</b>	<b>3.724.967.219.033</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>54.045.059.309</b>	<b>76.272.367.669</b>
1. Tiền	111		54.045.059.309	76.272.367.669
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.100.029.007.680</b>	<b>2.679.990.530.990</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.132.270.473.957	1.670.765.136.282
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	606.579.972.899	739.173.605.793
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.3	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	455.092.622.779	363.965.850.870
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(93.914.061.955)	(93.914.061.955)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>913.833.172.544</b>	<b>957.592.860.728</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	913.833.172.544	957.592.860.728
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.715.233.117</b>	<b>10.111.459.646</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.715.233.117	10.111.459.646
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.442.158.889.838</b>	<b>1.450.498.016.510</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.674.386.083</b>	<b>41.778.069.844</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	39.189.946.500	40.390.244.844
- Nguyên giá	222		82.228.227.423	82.150.954.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.038.280.923)	(41.760.709.853)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.484.439.583	1.387.825.000
- Nguyên giá	228		1.639.700.000	1.514.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.260.417)	(126.875.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.10	<b>239.743.346.443</b>	<b>240.034.735.480</b>
1. Nguyên giá	231		274.943.084.876	272.594.107.367
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(35.199.738.433)	(32.559.371.887)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.877.908.940</b>	<b>2.649.703.103</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.877.908.940	2.649.703.103
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>1.054.340.029.184</b>	<b>1.064.135.928.226</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		182.311.012.070	176.290.636.548
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		520.650.905.486	549.910.414.196
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		422.535.696.631	409.092.462.485
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(71.157.585.003)	(71.157.585.003)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>103.523.219.188</b>	<b>100.899.579.857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	103.523.219.188	100.899.579.857
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>4.527.781.362.488</b>	<b>5.175.465.235.543</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B 01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.925.579.456.807</b>	<b>3.591.010.585.160</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.755.020.719.703</b>	<b>3.384.076.930.628</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	407.251.261.002	465.289.467.097
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	700.492.839.051	944.857.718.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	130.279.712.182	176.882.643.769
4. Phải trả người lao động	314		4.088.337.421	3.999.049.958
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	901.067.838.906	1.038.603.411.034
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	32.772.727	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	114.015.206.335	185.027.410.720
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	496.449.580.026	566.964.410.008
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.343.172.053	2.452.819.053
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>170.558.737.104</b>	<b>206.933.654.532</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	170.558.737.104	172.532.623.562
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	-	403.991.300
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	-	33.997.039.670
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.602.201.905.681</b>	<b>1.584.454.650.383</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.602.201.905.681</b>	<b>1.584.454.650.383</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.229.932.105	21.229.932.105
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.491.973.576	152.744.718.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		170.143.819.912	30.801.751.207
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		348.153.664	121.942.967.071
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.527.781.362.488</b>	<b>5.175.465.235.543</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Huyền

Dương Ngọc Quang

Đậu Văn Diện





**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 (VND)			Năm 2018 (VND)		
			Quý II	Lũy kế kỳ này	Quý II/2018	Lũy kế kỳ trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	259.183.437.503	461.050.503.640	431.791.409.983	589.781.529.247		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		259.183.437.503	461.050.503.640	431.791.409.983	589.781.529.247		
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	251.936.941.182	446.036.415.295	437.442.510.369	569.118.271.256		
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>7.246.496.321</b>	<b>15.014.088.345</b>	<b>(5.651.100.386)</b>	<b>20.663.257.991</b>		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	18.196.187.293	18.221.516.699	61.479.154.053	61.523.762.969		
7. Chi phí tài chính	22	5.25	11.687.101.015	12.549.500.167	11.637.044.330	22.737.970.943		
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.068.466.069</i>	<i>9.930.865.221</i>	<i>11.452.844.330</i>	<i>22.553.770.943</i>		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	<b>5.26</b>	14.657.069.598	21.714.042.986	15.102.096.046	30.184.858.885		
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(901.486.999)</b>	<b>(1.027.938.109)</b>	<b>29.088.913.291</b>	<b>29.264.191.132</b>		
11. Thu nhập khác	31	5.27	3.478.867.065	6.485.655.618	6.345.759.676	11.899.749.854		
12. Chi phí khác	32	5.27	2.354.889.814	4.130.810.091	5.020.594.891	8.665.392.112		
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.27</b>	<b>1.123.977.251</b>	<b>2.354.845.527</b>	<b>1.325.164.785</b>	<b>3.234.357.742</b>		
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>222.490.252</b>	<b>1.326.907.418</b>	<b>30.414.078.076</b>	<b>32.498.548.874</b>		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	978.753.754	978.753.754	2.604.307.053	3.300.359.377		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.29	-	-	(1.131.719.000)	(1.131.719.000)		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(756.263.502)</b>	<b>348.153.664</b>	<b>28.941.490.023</b>	<b>30.329.908.497</b>		

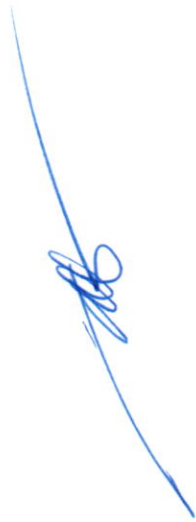
Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2019



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

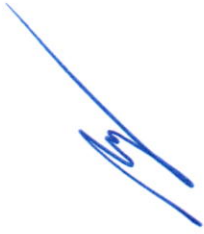
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**Người lập**



**Nguyễn Thanh Huyền**

**Kế toán trưởng**



**Dương Ngọc Quang**

**Tổng Giám đốc**



**Đậu Văn Điện**

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Mẫu B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	1.326.907.418	32.498.548.874
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	3.037.652.866	4.236.446.455
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.602.881.753)	(61.337.417.331)
- Chi phí lãi vay	06	9.930.865.221	22.553.770.943
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(1.307.456.248)	(2.048.651.059)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	561.986.549.352	(21.987.911.258)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	43.759.688.184	113.114.071.050
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(439.144.514.618)	(87.675.488.074)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.623.639.331)	6.596.149.153
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.081.700.333)	(22.239.148.198)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32.749.629.050)	(6.197.334.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	456.696.450
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.109.647.000)	(1.452.600.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	118.729.650.956	(21.434.215.936)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(305.478.563)	(475.034.227)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	4.439.250.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.184.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	79.565.830.621
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.221.516.699	61.521.617.331
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	17.916.038.136	142.867.463.725
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ cho vay	33	296.346.811.741	472.925.378.568
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(400.858.681.393)	(708.873.535.171)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54.361.127.800)	(33.643.771.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(158.872.997.452)	(269.591.928.403)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(22.227.308.360)	(148.158.680.614)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.272.367.669	193.813.790.817
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	54.045.059.309	45.655.110.203

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2019

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Huyền

Dương Ngọc Quang

Đậu Văn Diện

# TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần ngày 14/08/2014.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 17 tháng 12 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 1.140.480.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.140.480.000.000; tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện

Chi tiết: Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh Bất động sản; Quản lý và vận hành nhà chung cư).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản và thi công các công trình xây dựng.

#### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2019, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết như sau:

<u>Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị	Dự án Khu Ngoại Giao -Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Quản lý dự án
Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở	Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Quản lý, vận hành dự án
Công ty Xây dựng Quốc tế	Số B3B - Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Xây dựng
Trung tâm Điều hành và Quản lý dự án	Số 57 phố Quang Trung -Hà Nội	Xây dựng
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 11 đường D1, phường 25, Bình Thạnh, TP.HCM	Xây dựng
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Hancorp 1	Số 57 phố Quang Trung - Hà Nội	Xây dựng



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Các công ty con, công ty liên kết như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên đơn vị</u>	<u>Vốn năm giữ</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
<b><u>Đầu tư vào Công ty con</u></b>			
1	Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	50,36%	50,36%
2	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	50,09%	50,09%
3	Công ty cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	95,52%	95,52%
4	Công ty TNHH MTV Hancorp 3	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Hantech	100,00%	100,00%
6	Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	64,42%	64,42%
<b><u>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</u></b>			
1	Công ty cổ phần Hancorp	27,73%	27,73%
2	Công ty cổ phần Xây dựng Hancorp.2	46,07%	46,07%
3	Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	36,00%	36,00%
4	Công ty cổ phần Trung Đô	20,15%	20,15%
5	Công ty cổ phần Lắp máy điện nước & Xây dựng	30,00%	30,00%
6	Công ty cổ phần Xây dựng số 34	30,61%	30,61%
7	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%
8	Công ty cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	28,53%	28,53%
9	Công ty cổ phần Xây dựng số 2	28,07%	28,07%
10	Công ty cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	27,00%	27,00%
11	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	27,00%	27,00%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 4	25,86%	25,86%
13	Công ty liên doanh Quốc tế Hồ Tây	25,00%	25,00%
14	Công ty cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	25,00%	25,00%
15	Công ty cổ phần Xi măng Mỹ Đức	19,94%	19,94%
16	Công ty liên doanh xây dựng VIC	20,59%	20,59%
17	Công ty cổ phần Hanvi Land	26,67%	26,67%

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty kèm theo được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty**

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2019.

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2019.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty con, liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Tổng Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty .

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Tổng Công ty mẹ và Tổng Công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty .

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất không thời hạn xác định được được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác là Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10
Quyền sử dụng đất	Không khấu hao
Phần mềm quản lý	05



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty mẹ và Tổng Công ty con, Tổng Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay, chi phí bản quyền trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty .

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty .

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty .



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Đối với Doanh thu bất động sản:**

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đất đã chuyển giao nền đất cho khách hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Bảo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Tổng Công ty Mẹ, các Tổng Công ty con của Tổng Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh Bất động sản, xây dựng, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	3.353.231.396	2.361.969.970
Tiền gửi ngân hàng	50.691.827.913	73.910.397.699
<b>Tổng</b>	<b>54.045.059.309</b>	<b>76.272.367.669</b>

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Bảo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>1.132.270.473.957</b>	<b>1.670.765.136.282</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng	19.045.754.438	19.063.343.738
Bệnh viện nhi Long An - Sở Y tế Long An	10.364.227.685	13.475.845.685
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - Bến Tre	6.993.286.311	6.993.286.311
Bệnh viện nhi Trung ương	47.407.238.878	47.407.238.878
BQL Dự án Xây dựng công trình trực thuộc Kho bạc Nhà Nước thành phố Hồ Chí Minh	14.348.928.000	16.477.043.250
BQL Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	151.753.606.890	71.373.585.783
BQL Dự án Xây dựng Ký túc xá sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	12.009.680.777	12.009.680.777
BQL Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình mới	23.265.174.385	23.736.587.888
BQL Dự án 1 tỉnh Sóc trăng	14.121.976.106	14.174.899.106
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	10.501.121.568	10.501.121.568
Công ty cổ phần Thi công cơ giới Xây lắp	17.757.207.946	18.633.700.281
Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật xây dựng	13.309.961.066	13.309.961.066
Cục Viễn Thông	20.567.217.000	21.047.938.000
Đỗ Văn Lợi	24.538.440.000	40.538.440.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	746.286.652.907	1.342.022.463.951
<b>Tổng</b>	<b>1.132.270.473.957</b>	<b>1.670.765.136.282</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP XD TM An Xuân Thịnh	35.143.721.202	39.665.482.832
Công ty cổ phần Armephaco	68.207.725.500	68.207.725.500
Công ty CP thi công cơ giới XL	24.790.428.358	28.040.766.220
Công ty CP Hancorp	63.802.150.540	180.828.058.663
Công ty CP XD số 34	9.137.874.427	6.993.075.085
Công ty TNHH Một thành viên Hancorp 3	-	499.920.135
Cty CP Công nghệ và XD Hancorp 5	9.812.728.356	7.940.673.460
Công ty TNHH MTV Hantech	15.610.014.435	14.610.014.435
Công ty CP SX xây dựng Hưng Long Phước	2.000.000.000	26.619.505.955
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hà Nội	85.314.832.000	2.299.800.000
Công ty CP ĐT XD bất động sản Lanmak	13.708.130.441	7.591.539.518
Công ty CP Thiết bị Mỹ Kim	-	7.391.854.000
Công ty cổ phần Sông Hồng Hà	50.301.803.000	50.301.803.000
Cty TNHH LD xây dựng VIC	38.856.198.866	38.710.289.866
Các đối tượng khác	189.894.365.774	259.473.097.124
<b>Tổng</b>	<b>606.579.972.899</b>	<b>739.173.605.793</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>455.092.622.779</b>	-	<b>363.965.850.870</b>	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
- Phải thu về Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
- Tạm ứng	12.709.216.180	-	9.781.908.180	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Phải thu khác	442.383.406.599	-	354.183.942.690	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí &amp; Xây dựng</i>	<i>29.773.759.161</i>	-	<i>29.064.358.161</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Tây Hồ</i>	<i>42.267.031.795</i>	-	<i>42.267.031.795</i>	-
<i>Công ty CP Đầu tư &amp; phát triển xây dựng</i>	<i>39.330.863.002</i>	-	<i>40.107.752.002</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất Động Sản Lanmak</i>	<i>7.259.689.585</i>	-	<i>7.259.689.585</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Hancorp</i>	<i>78.651.372.826</i>	-	<i>6.750.060.575</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Kinh doanh vật tư &amp; Xây dựng</i>	<i>3.355.246.915</i>	-	<i>3.355.246.915</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng</i>	<i>3.418.335.241</i>	-	<i>3.418.335.241</i>	-
<i>Công ty Cổ phần thi công cơ giới và Xây lắp</i>	<i>10.336.633.949</i>	-	<i>9.401.105.949</i>	-
<i>Công ty Cổ phần TBị và Vật liệu xây dựng Hancorp</i>	<i>10.633.042.284</i>	-	<i>10.345.316.284</i>	-
<i>Cty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng và kinh doanh Nhà</i>	<i>2.858.116.417</i>	-	<i>2.946.175.417</i>	-
<i>Công ty XD Bảo Tàng Hồ Chí Minh</i>	<i>317.717.048</i>	-	<i>304.059.048</i>	-
<i>Công ty Cổ phần xây dựng Hancorp.2</i>	<i>70.720.622.916</i>	-	<i>68.561.775.916</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội</i>	<i>18.599.744.154</i>	-	<i>18.582.398.441</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 2</i>	<i>8.752.252.448</i>	-	<i>8.752.252.448</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư &amp; xây dựng số 4</i>	<i>2.806.132.747</i>	-	<i>2.806.132.747</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Trung Đô</i>	<i>27.075.924.733</i>	-	<i>30.408.982.837</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Hancorp3</i>	<i>9.701.812.798</i>	-	<i>9.464.690.160</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Hantech</i>	<i>5.345.291.815</i>	-	<i>5.345.291.815</i>	-
+ Các khoản phải thu khác	71.179.816.765	-	55.043.287.354	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>456.092.622.779</b>	-	<b>364.965.850.870</b>	-

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển xây dựng	35.817.194.111	13.582.448.222	35.817.194.111	13.582.448.222
Công ty CP xây dựng Hancorp.2	67.672.497.885	12.133.392.737	67.672.497.885	12.133.392.737
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng	29.064.358.161	14.212.105.181	29.064.358.161	14.212.105.181
Các đối tượng khác	1.287.957.938	-	1.287.957.938	-
<b>Tổng</b>	<b>133.842.008.095</b>	<b>39.927.946.140</b>	<b>133.842.008.095</b>	<b>39.927.946.140</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	913.807.016.711	-	957.554.390.993	-
<b>Tổng</b>	<b>913.833.172.544</b>	<b>-</b>	<b>957.592.860.728</b>	<b>-</b>

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Dự án</b>		
Dự án khu nhà N01-NG, N02-NG Ngoại giao đoàn	59.290.902.349	59.290.902.349
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	8.171.821.489	5.386.806.137
Nhà ở cao tầng NO1, N02 - Khu Ngoại giao đoàn	22.937.013.990	22.937.013.990
Cảnh quan sân vườn NO1, NO2, NO3-NG NGĐ	12.424.228.408	5.444.901.135
Dự án BT1-BT6 Ngoại giao đoàn	100.994.797.004	100.992.095.004
Khu HTKT Ngoại giao đoàn	46.130.849.757	44.740.504.645
Dự án 2 tuyến đường Ngân sách Thành phố quan	78.895.525.081	78.895.525.081
Dự án Ngoại giao đoàn		
Khu công cộng CC1 - CC5A Ngoại giao đoàn	63.532.260.045	63.532.260.045
Lô đất NT1, NT2, TH1, TH2 khu Đoàn Ngoại Giao	75.369.735.875	75.369.735.875
Bãi đỗ xe (P1, P2) - Khu Ngoại giao đoàn	14.176.746.540	14.176.746.540
Các hạng mục khác tại Dự án Ngoại giao đoàn	14.979.276.290	6.422.492.383
Tòa nhà hỗn hợp N01-T6, T7 NGĐ	128.247.443.539	127.462.830.330
<b>Các công trình xây lắp</b>		
Gói thầu Depo05	28.353.809.284	44.241.256.846
Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1	50.339.320.346	125.433.710.186
Dự án đường Phước Hòa Cái Mép - Thị Vải gói thầu 24	5.057.368.740	2.193.949.649
Dự án BV Việt Đức cơ sở II	15.371.793.090	2.894.342
Bệnh viện Mộc Hóa	15.459.662.117	18.999.425.913
DA Khu dân cư Nhơn Trạch, Đồng nai	31.353.414.460	30.763.156.749
Cơ sở chế biến suất ăn Hàng không Nội Bài	14.861.619.515	14.861.619.515
Gói 6.2 cải tạo môi trường Hà Nội	7.688.627.672	7.396.931.646
Các công trình khác	120.170.801.120	109.009.632.633
<b>Tổng</b>	<b>913.807.016.711</b>	<b>957.554.390.993</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MÃU B 09a-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2019	56.514.774.419	4.520.086.862	16.825.164.233	4.290.929.183	82.150.954.697
Tăng trong kỳ	1.362.347.482	-	-	77.272.726	1.439.620.208
Mua trong kỳ	-	-	-	77.272.726	77.272.726
Tăng khác (Theo biên bản KTNN)	1.362.347.482	-	-	-	1.362.347.482
Giảm trong kỳ	1.362.347.482	-	-	-	1.362.347.482
Giảm khác	1.362.347.482	-	-	-	1.362.347.482
Số dư tại 30/6/2019	56.514.774.419	4.520.086.862	16.825.164.233	4.368.201.909	82.228.227.423
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Mua trong kỳ	20.424.158.552	3.848.842.902	13.770.733.801	3.716.974.598	41.760.709.853
Tăng trong kỳ	941.912.908	44.928.572	214.911.970	75.817.620	1.277.571.070
Khấu hao trong kỳ	941.912.908	44.928.572	214.911.970	75.817.620	1.277.571.070
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	21.366.071.460	3.893.771.474	13.985.645.771	3.792.792.218	43.038.280.923
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2019	36.090.615.867	671.243.960	3.054.430.432	573.954.585	40.390.244.844
Tại 30/6/2019	35.148.702.959	626.315.388	2.839.518.462	575.409.691	39.189.946.500
					23.477.253.052
					16.429.011.980

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN

**5.9 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2019	1.297.200.000	217.500.000	1.514.700.000
Tăng trong kỳ	-	125.000.000	125.000.000
Mua trong kỳ	-	125.000.000	125.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	<u>1.297.200.000</u>	<u>342.500.000</u>	<u>1.639.700.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2019		126.875.000	126.875.000
Tăng trong kỳ	-	28.385.417	28.385.417
Khấu hao trong kỳ		28.385.417	28.385.417
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2019	<u>-</u>	<u>155.260.417</u>	<u>155.260.417</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2019	<u>1.297.200.000</u>	<u>90.625.000</u>	<u>1.387.825.000</u>
Tại 30/6/2019	<u>1.297.200.000</u>	<u>187.239.583</u>	<u>1.484.439.583</u>

**5.10 Bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>272.594.107.367</b>	<b>2.348.977.509</b>	-	<b>274.943.084.876</b>
- Tổ hợp Nhà trẻ, bể bơi, tầng hầm tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	118.204.444.542	610.444.012	-	118.814.888.554
- Trung tâm thương mại tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	154.389.662.825	1.738.533.497	-	156.128.196.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>32.559.371.887</b>	<b>3.096.462.736</b>	<b>456.096.190</b>	<b>35.199.738.433</b>
- Tổ hợp Nhà trẻ, bể bơi, tầng hầm tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	14.253.846.959	1.364.766.357	-	15.618.613.316
- Trung tâm thương mại tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	18.305.524.928	1.731.696.379	456.096.190	19.581.125.117
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>240.034.735.480</b>	<b>(747.485.227)</b>	<b>(456.096.190)</b>	<b>239.743.346.443</b>
- Tổ hợp Nhà trẻ, bể bơi, tầng hầm tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	103.950.597.583	(754.322.345)	-	103.196.275.238
- Trung tâm thương mại tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	136.084.137.897	6.837.118	(456.096.190)	136.547.071.205

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.877.908.940</b>	<b>2.649.703.103</b>
Hệ thống PCCC Tổng Công ty	2.317.758.940	2.089.553.103
Chi phí mua đất bên Đông Anh	560.150.000	560.150.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.877.908.940</b>	<b>2.649.703.103</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MÃU B 09a-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

DN

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2019		01/01/2019			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>182.311.012.070</b>			<b>176.290.636.548</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	50,36%	50,36%	87.683.054.206			82.095.789.185		
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây hồ	50,09%	50,09%	22.427.957.864			21.994.847.363		
Công ty CP Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	95,52%	95,52%	32.000.000.000			32.000.000.000		
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	100,00%	100,00%	20.000.000.000			20.000.000.000		
Công ty TNHH MTV Hantech	100,00%	100,00%	10.000.000.000			10.000.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp 1 Hà Nội	64,42%	64,42%	10.200.000.000			10.200.000.000		

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MÃU B 09a-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

DN

**5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)**

	30/6/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ
	<b>Vốn nắm giữ</b>	<b>Quyền biểu quyết</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Hancorp	27,73%	27,73%	(8.766.804.307)	(8.766.804.307)
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp.2	46,07%	46,07%	(5.921.604.307)	(5.921.604.307)
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và kinh doanh nhà	36,00%	36,00%	2.244.173.657	-
Công ty Cổ phần Trung Đô	20,15%	20,15%	51.818.406.376	-
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước & Xây dựng	30,00%	30,00%	41.757.189.732	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 34	30,61%	30,61%	11.400.506.542	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng	29,95%	29,95%	2.845.200.000	(2.845.200.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Xây lắp	28,53%	28,53%	17.428.165.112	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	28,07%	28,07%	18.695.369.553	-
Công ty Cổ phần kinh doanh vật tư và Xây dựng	27,00%	27,00%	10.863.949.071	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bất động sản LANMAK	27,00%	27,00%	19.022.197.262	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 4	25,86%	25,86%	59.604.971.098	-
Công ty liên doanh Quốc tế Hồ Tây	25,00%	25,00%	89.810.336.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	25,00%	25,00%	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	19,94%	19,94%	149.555.309.131	-
Công ty liên doanh xây dựng VIC	20,59%	20,59%	17.841.887.253	-
Công ty Cổ phần Hanvi Land	26,67%	26,67%	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bé tông Xây dựng Hà Nội	28,05%	28,05%	31.428.272.459	-
Công ty CP Đầu Tư cao tốc Hòa Bình - Sơn La	20,00%	20,00%	1.000.000.000	-

(\*)



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

MÃU B 09a-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

DN

		30/6/2019		01/01/2019					
		Tỷ lệ							
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>5.12 Các khoản đầu tư dài hạn (Tiếp theo)</b>									
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>									
	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển	19,75%	19,75%	422.535.696.631	(62.390.780.696)	409.092.462.485	(62.390.780.696)		(62.390.780.696)
	Xây dựng				(38.674.556.696)	51.566.075.595	(38.674.556.696)		(38.674.556.696)
	Công ty Cổ phần Bạch Đằng	18,11%	18,11%	4.542.847.049	-	5.742.136.341	-		-
	Cty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	19,66%	19,66%	8.686.787.651	-	10.396.438.618	-		-
	Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	15,00%	15,00%	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)		(4.500.000.000)
	Tuyên Quang				(13.000.000.000)	32.500.000.000	(13.000.000.000)		(13.000.000.000)
	Công ty Cổ phần SAHABAK	12,00%	12,00%	32.500.000.000	-	83.990.800.000	-		-
	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Mỹ	11,27%	11,27%	83.990.800.000	-	30.000.000.000	-		-
	Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng	10,00%	10,00%	30.000.000.000	-	1.695.579.072	-		-
	Công ty Cổ phần ĐT & PTXây dựng I Hà Nội	6,08%	6,08%	1.695.579.072	-	1.474.200.000	-		-
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Cie - Cmc - Vinaconex E&C	2,95%	2,95%	1.474.200.000	-	3.488.318.859	-		-
	Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng đô thị Việt Nam	1,52%	1,52%	3.488.318.859	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)		(3.000.000.000)
	Cty Cổ phần Phát triển đô thị Bắc Hà Nội	1,50%	1,50%	3.000.000.000	-	1.613.940.000	-		-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Gas đô thị	1,45%	1,45%	1.613.940.000	-	690.000.000	-		-
	Công ty chứng khoán dầu khí	0,20%	0,20%	690.000.000	-	175.218.750.000	-		-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	14,09%	14,09%	175.218.750.000	(3.216.224.000)	3.216.224.000	(3.216.224.000)		(3.216.224.000)
	Công ty Cổ phần BOT xe điện mặt đất số 1	1,45%	1,45%	3.216.224.000	-	23.841.000.000	-		-
	Công ty Cổ phần Bê Tông Xây dựng Hà Nội	17,53%	17,53%	23.841.000.000	-		-		-
<b>Tổng</b>				<b>1.125.497.614.187</b>	<b>(*) (71.157.585.003)</b>	<b>1.135.293.513.229</b>	<b>(*) (71.157.585.003)</b>		<b>(*) (71.157.585.003)</b>

(\*) : Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**5.13 Chi phí trả trước ngắn dài hạn**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>103.523.219.188</b>	<b>100.899.579.857</b>
Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (theo đánh giá cổ phần hóa)	86.067.520.202	90.079.515.400
Công cụ dụng cụ xuất dùng	854.632.013	814.028.264
Chi phí sửa chữa	2.304.123.694	1.545.866.751
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.296.943.278	8.460.169.442
<b>Tổng</b>	<b>103.523.219.188</b>	<b>100.899.579.857</b>

**5.14 Phải trả người bán**

	30/6/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>407.251.261.002</b>	<b>407.251.261.002</b>	<b>465.289.467.097</b>	<b>465.289.467.097</b>
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	-	-	1.047.342.938	1.047.342.938
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà nội	1.004.731.927	1.004.731.927	1.004.731.927	1.004.731.927
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội	28.915.860.140	28.915.860.140	29.457.963.140	29.457.963.140
Công ty Cổ phần ĐT nhà và Xây dựng Tây Hồ	12.665.422.010	12.665.422.010	17.665.422.010	17.665.422.010
Công ty Cổ phần thiết bị & vật liệu Xây dựng Hancorp	4.243.569.457	4.243.569.457	4.581.186.760	4.581.186.760
Công ty Cổ phần năng lượng Hà Nội	8.081.885.767	8.081.885.767	11.081.885.767	11.081.885.767
Công ty Cổ phần Phát triển kỹ thuật xây dựng	33.762.530.237	33.762.530.237	47.834.497.147	47.834.497.147
Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng thế giới nhà	8.449.143.225	8.449.143.225	7.928.966.075	7.928.966.075
Công ty TNHH thang máy và Thiết bị Thăng Long	-	-	22.852.380.000	22.852.380.000
Công ty Cổ phần tư vấn và Đầu tư Xây dựng Mê Linh	2.848.926.352	2.848.926.352	4.503.943.553	4.503.943.553
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	41.557.822.702	41.557.822.702	70.557.822.702	70.557.822.702
Công ty Cổ phần sản xuất xây dựng Hưng Long Phước	-	-	38.132.600.224	38.132.600.224
Các đối tượng khác	265.721.369.185	265.721.369.185	208.640.724.854	208.640.724.854
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>407.251.261.002</b>	<b>407.251.261.002</b>	<b>465.289.467.097</b>	<b>465.289.467.097</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**5.15 Người mua ứng tiền trước**

	<b>30/6/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Xây dựng Bệnh viện Mộc Hóa	49.769.533.016	60.030.090.016
BQL Dự án Giao thông khu vực Cảng Cái Mép	35.263.576.662	35.263.576.662
Cơ sở hạ tầng khu đại sứ quán Ngoại Giao Đoàn Cục Viễn Thông	94.173.264.406	94.173.264.406
BQL Gói thầu 05 - Đường sắt đô thị Hà Nội	18.349.842.597	49.983.262.315
TT chỉnh hình và phục hồi chức năng TP HCM	15.500.000.000	15.500.000.000
Bệnh viện Việt Đức- cơ sở 2 (Hà Nam)	331.481.881.918	357.997.013.300
BQL Dự án Đầy tư Xây dựng Tuyến đường cấp thành phố	45.851.721.800	45.851.721.800
Các đối tượng khác	110.103.018.652	286.058.790.490
<b>Tổng</b>	<b>700.492.839.051</b>	<b>944.857.718.989</b>

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã nộp trong kỳ</b>	<b>30/6/2019</b>
<b>Phải nộp</b>	<b>176.882.643.769</b>	<b>2.356.485.671</b>	<b>48.959.417.258</b>	<b>130.279.712.182</b>
Thuế giá trị gia tăng	17.226.531.935	841.810.256	2.503.783.236	15.564.558.955
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.057.772.024	978.753.754	32.749.629.050	14.286.896.728
Thuế thu nhập cá nhân	200.749.264	252.432.500	305.150.743	148.031.021
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	80.672.442.014	207.310.926	207.310.926	80.672.442.014
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	796.241.026	76.178.235	872.419.261	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	31.928.907.506	-	12.321.124.042	19.607.783.464

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>901.067.838.906</b>	<b>1.038.603.411.034</b>
Chi phí lãi vay	243.182.153	394.017.265
Trích trước chi phí các công trình xây dựng	179.716.546.204	138.726.183.592
Trích trước chi phí các dự án BĐS mà Tổng công ty là Chủ đầu tư	720.846.822.549	898.726.308.145
Chi phí phải trả khác	261.288.000	756.902.032
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>901.067.838.906</b>	<b>1.038.603.411.034</b>

Trong tổng số dư phải trả tại ngày 30/6/2019 bao gồm các khoản trích trước theo tỷ lệ lãi gộp phương án kinh tế của các công trình, dự án với tổng số tiền là 892.644.352.808 đồng (tại ngày 01/01/2019 là 1.191.806.270.811 đồng). Số dư các khoản trích trước này sẽ được quyết toán khi Tổng Công ty thực hiện quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo từng công trình, dự án.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>32.772.727</b>	-
Doanh thu cho thuê nhà (Xí nghiệp Dịch vụ)	32.772.727	-
<b>Dài hạn</b>	<b>170.558.737.104</b>	<b>172.532.623.562</b>
Trung tâm thương mại số 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	170.558.737.104	172.532.623.562
<b>Tổng</b>	<b>170.591.509.831</b>	<b>172.532.623.562</b>

**5.19 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>114.015.206.335</b>	<b>185.027.410.720</b>
Kinh phí công đoàn	779.504.976	779.504.976
Bảo hiểm xã hội	36.764.408	36.764.408
Bảo hiểm y tế	40.287.020	40.287.020
Bảo hiểm thất nghiệp	3.362.434	3.362.434
Phải trả về cổ phần hóa	-	25.932.227.936
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	754.488.216	340.496.916
Phải trả, phải nộp khác	112.400.799.281	157.894.767.030
<i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>179.460.260</i>	<i>54.540.588.060</i>
<i>Phí bảo trì 2% - Dự án 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long</i>	<i>8.717.510.026</i>	<i>8.717.510.026</i>
<i>Số dư quỹ Khen thưởng, Phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa</i>	<i>10.926.843.076</i>	<i>10.926.843.076</i>
<i>Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty CP Xi măng Mỹ Đức</i>	<i>11.260.338.814</i>	<i>11.260.338.814</i>
<i>Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty CP Sahabak</i>	<i>13.000.000.000</i>	<i>13.000.000.000</i>
<i>Phí bảo trì 2%, phí dịch vụ phải trả Ban quản trị dự án N04A Ngoại giao đoàn</i>	<i>26.430.797</i>	<i>5.171.670.545</i>
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản phải trả về Khách sạn Vườn Thủ Đô</i>	<i>7.344.501.600</i>	<i>7.344.501.600</i>
<i>Tiền quản lý mặt bằng, tiền điện, tiền nước phải trả các nhà thầu tại dự án khu Hạ tầng ngoại giao đoàn</i>	<i>13.718.288.888</i>	<i>5.883.699.903</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>47.227.425.820</i>	<i>41.049.615.006</i>
<b>Dài hạn</b>	-	<b>403.991.300</b>
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	403.991.300
<b>Tổng</b>	<b>114.015.206.335</b>	<b>185.431.402.020</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay</b>						
<b>+ Vay ngắn hạn</b>	<b>496.449.580.026</b>	<b>496.449.580.026</b>	<b>296.346.811.741</b>	<b>366.861.641.723</b>	<b>566.964.410.008</b>	<b>548.089.185.254</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	205.364.211.899	205.364.211.899	162.245.068.647	136.493.766.477	179.612.909.729	179.612.909.729
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nội	261.442.250.251	261.442.250.251	127.235.758.219	211.492.650.492	345.699.142.524	345.699.142.524
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	6.865.984.875	6.865.984.875	6.865.984.875	18.875.224.754	18.875.224.754	-
Vay các đối tượng cá nhân khác	22.777.133.001	22.777.133.001	-	-	22.777.133.001	22.777.133.001
<b>+ Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>33.997.039.670</b>	<b>33.997.039.670</b>	<b>33.997.039.670</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Hà Nội	-	-	-	33.997.039.670	33.997.039.670	33.997.039.670
<b>Tổng</b>	<b>496.449.580.026</b>	<b>496.449.580.026</b>	<b>296.346.811.741</b>	<b>400.858.681.393</b>	<b>600.961.449.678</b>	<b>582.086.224.924</b>

**Hợp đồng Vay ngắn hạn**

Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch ngày 06/09/2017, số tiền cấp hạn mức là 800.000.000.00 đồng, kỳ hạn 12 tháng. Mục đích sử dụng khoản vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất ghi nhận theo từng lần nhận nợ, khoản vay không có tài sản thế chấp;

Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội bao gồm 2 hợp đồng: hợp đồng 01/2017/134621/HDTD ngày 17/07/2017, số tiền cấp hạn mức là 1.000.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng. Và hợp đồng số 01/2018/13421/HDTD ngày 07/04/2019, với số tiền cấp hạn mức là 100.000.000.000 Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, lãi suất ghi nhận theo từng lần nhận nợ và khoản vay không có hình thức đảm bảo bằng tài sản;

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>16.029.932.105</b>	<b>180.011.612.743</b>	<b>1.606.521.544.848</b>
Tăng vốn	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	84.308.789.076	84.308.789.076
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	5.200.000.000	(5.200.000.000)	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	(84.628.800.000)	(84.628.800.000)
Các khoản phạt phải nộp khác	-	-	(15.046.883.541)	(15.046.883.541)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>21.229.932.105</b>	<b>152.744.718.278</b>	<b>1.584.454.650.383</b>
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>21.229.932.105</b>	<b>152.744.718.278</b>	<b>1.584.454.650.383</b>
Lãi trong năm nay	-	-	348.153.664	348.153.664
Các khoản phạt phải nộp khác	-	-	(279.771.062)	(279.771.062)
Tăng/giảm khác	-	-	17.678.872.696	17.678.872.696
<b>Số dư tại 30/6/2019</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>21.229.932.105</b>	<b>170.491.973.576</b>	<b>1.602.201.905.681</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	1.393.996.080.000	1.393.996.080.000
Vốn góp của đối tượng khác	16.483.920.000	16.483.920.000
<b>Tổng</b>	<b>1.410.480.000.000</b>	<b>1.410.480.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	12.900.000.000
Cổ tức	-	84.628.800.000



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	30/6/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành cuối kỳ	141.048.000	141.048.000
Cổ phiếu phổ thông	141.048.000	141.048.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	33.185.428.913	372.424.809.107
Doanh thu hoạt động xây lắp	422.746.994.084	204.477.191.949
Doanh thu bán hàng, cung cấp vật tư	106.748.197	121.711.821
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.011.332.446	12.757.816.370
<b>Tổng</b>	<b>461.050.503.640</b>	<b>589.781.529.247</b>

**5.23 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	26.767.734.396	355.977.276.757
Giá vốn hoạt động xây lắp	415.512.653.743	201.159.861.165
Giá vốn bán hàng, vật tư	73.252.323	101.847.456
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.682.774.833	11.879.285.878
<b>Tổng</b>	<b>446.036.415.295</b>	<b>569.118.271.256</b>

**5.24 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.653.869.619	4.219.054.400
Thu nhập chuyển nhượng khoản đầu tư	-	41.887.704.931
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.567.647.080	15.414.858.000
Doanh thu tài chính khác	-	2.145.638
<b>Tổng</b>	<b>18.221.516.699</b>	<b>61.523.762.969</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN

**5.25 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền vay	9.930.865.221	22.553.770.943
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	2.618.634.946	184.200.000
<b>Tổng</b>	<b>12.549.500.167</b>	<b>22.737.970.943</b>

**5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>21.714.042.986</b>	<b>30.184.858.885</b>
Chi phí nhân viên quản lý	13.577.053.949	11.044.783.214
Chi phí vật liệu quản lý, Công cụ dụng cụ	2.277.968.151	372.013.788
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.284.366.502	1.530.995.797
Thuế phí và lệ phí	212.437.258	5.640.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.283.575.514	9.027.385.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	-
- Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (HS XDGTĐN cổ phần hóa)	2.005.997.599	8.024.310.394
- Chi phí bằng tiền khác	1.072.644.013	179.730.010
<b>Tổng</b>	<b>21.714.042.986</b>	<b>30.184.858.885</b>

**5.27 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Cho thuê văn phòng, địa điểm	2.340.959.454	2.978.672.908
Thu tiền nước thu các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	606.560.608	4.853.875.426
Thu nhập từ thu tiền điện, nước, phí quản lý của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	3.529.408.283	2.727.476.272
Thu nhập khác	8.727.273	1.339.725.248
<b>Tổng</b>	<b>6.485.655.618</b>	<b>11.899.749.854</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	105.698.010	2.727.476.272
Chi phí tiền nước chi cho các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	465.973.200	4.781.915.571
Thu nhập từ thu tiền điện, nước, phí quản lý của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	3.559.138.881	-
Chi phí khác	-	1.156.000.269
<b>Tổng</b>	<b>4.130.810.091</b>	<b>8.665.392.112</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>2.354.845.527</b>	<b>3.234.357.742</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a-DN

**5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.326.907.418	32.498.548.874
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản	(3.566.861.351)	17.756.114.666
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	11.567.647.080	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.567.647.080	-
Bù lỗ các năm trước	124.463.644.134	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(139.598.152.564)	17.756.114.666
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản (1)</b>	-	<b>3.551.222.933</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN hoạt động kinh doanh Bất động sản</b>	<b>6.417.694.517</b>	<b>14.742.434.208</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Chi phí không hợp lý	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.523.925.748	-
- Phân bổ chi phí quản lý	1.523.925.748	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.893.768.769	10.843.201.886
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành hoạt động Bất động sản (2)</b>	<b>978.753.754</b>	<b>2.168.640.377</b>
Thuế TNDN tạm nộp trên số tiền thu trước của hoạt động kinh doanh Bất động sản (3)	-	1.131.719.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành = (1) + (2) + (3)</b>	<b>978.753.754</b>	<b>3.300.359.377</b>

Trong kỳ, Tổng Công ty đang thực hiện tạm tính số thuế thu nhập doanh nghiệp, số thuế chưa có điều chỉnh khác theo quy định.

**5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.131.719.000)
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>(1.131.719.000)</b>

**5.30 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.277.968.151	19.311.597.424
Chi phí nhân công	19.980.211.949	18.699.439.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.037.652.866	4.236.446.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.681.967.907	408.137.378.211
Chi phí khác bằng tiền	3.291.078.870	23.860.537.567
<b>Tổng</b>	<b>509.268.879.743</b>	<b>474.245.399.229</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

<u>Bên liên quan</u>	<u>6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND</u>	<u>6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.188.422.000	1.837.194.500
<b>Tổng</b>	<b>1.188.422.000</b>	<b>1.837.194.500</b>

**Số dư các bên liên quan**

<u>Công nợ</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/6/2019 VND</u>	<u>01/01/2019 VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	852.674.572	853.430.122
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại Hancorp1 Hà Nội	Công ty con	136.440.000	136.440.000
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	19.564.998	122.940.998
Công ty cổ phần Xây dựng Hancorp.2	Liên doanh, liên kết	122.775.500	122.775.500
Công ty cổ phần Trung Đô	Liên doanh, liên kết	130.062.000	130.062.000
Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 4	Liên doanh, liên kết	43.237.200	43.237.200
Công ty liên doanh xây dựng VIC	Liên doanh, liên kết	169.896.043	169.896.043
Cty cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Liên doanh, liên kết	278.168.000	278.168.000
<b>Người mua ứng tiền trước</b>			
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty CP thi công cơ giới XL	Liên doanh, liên kết	-	28.040.766.220
Công ty CP Hancorp	Liên doanh, liên kết	63.802.150.540	180.828.058.663
Công ty CP xây dựng số 2	Liên doanh, liên kết	-	11.114.413.658
Công ty CP XD số 34	Liên doanh, liên kết	-	6.993.075.085
C.ty CP ĐT và XD số 4	Liên doanh, liên kết	-	1.219.090.390
Cty TNHH LD xây dựng VIC	Công ty đầu tư khác	38.856.198.866	38.710.289.866
Công ty cổ phần xây dựng Hancorp.2	Liên doanh, liên kết	280.527.339	280.527.339
Công ty TNHH Một thành viên Hancorp 3	Công ty con	15.843.181.660	499.920.135
Cty CP Công nghệ và XD Hancorp 5	Liên doanh, liên kết	9.812.728.356	7.940.673.460
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	15.610.014.435	14.610.014.435
Công ty CP kinh doanh vật tư và xây dựng	Liên doanh, liên kết	-	181.089.272
Công ty CP ĐT XD bất động sản Lanmak	Liên doanh, liên kết	13.708.130.441	7.591.539.518
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty CP Bạch Đằng	Liên doanh, liên kết	-	1.047.342.938
C.ty CP XD Bảo tàng HCM	Liên doanh liên kết	41.557.822.702	70.557.822.702
Công ty CP bê tông XD Hà nội	Liên doanh liên kết	1.004.731.927	1.004.731.927
Cty CP xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	-	29.457.963.140
Công ty CP DV BĐS Lanmak	Liên doanh liên kết	-	1.560.445.400
Công ty CP thiết bị & vật liệu XD Hancorp	Công ty con	4.243.569.457	4.581.186.760
Công ty CP Đầu tư & phát triển xây dựng	Đầu tư khác	-	12.936.910.688
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hancorp 1	Công ty con	10.360.554.650	4.990.251.041



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư các bên liên quan**

Công nợ	Mối quan hệ	30/6/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			
Công ty CP XD số 34	Liên doanh, liên kết	1.286.588.380	1.286.588.380
Công ty CP thi công cơ giới và Xây lắp	Liên doanh, liên kết	10.336.633.949	9.401.105.949
Công ty CP Cơ khí & Xây dựng	Liên doanh, liên kết	29.773.759.161	29.064.358.161
Công ty CP Hancorp	Liên doanh, liên kết	11.651.372.826	6.750.060.575
Cty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	18.599.744.154	18.582.398.441
Công ty CP Xây dựng số 2	Liên doanh, liên kết	8.752.252.448	8.752.252.448
C.ty CP Đầu tư & xây dựng số 4	Liên doanh, liên kết	2.806.132.747	2.806.132.747
Công ty TNHH Một thành viên Hantech	Công ty con	5.345.291.815	5.345.291.815
Công ty CP Đầu tư & phát triển xây dựng	Liên doanh, liên kết	39.330.863.002	40.107.752.002
Công ty CP xây dựng Hancorp.2	Liên doanh, liên kết	70.720.622.916	68.561.775.916
Công ty TNHH MTV Hancorp3	Công ty con	9.701.812.798	9.464.690.160
Công ty CP Công nghệ XD Hancorp 5	Liên doanh, liên kết	11.965.333	11.965.333
Công ty CP ĐT XD BĐS Lanmak	Liên doanh, liên kết	7.259.689.585	7.259.689.585
Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà và xây dựng Tây Hồ	Công ty con	42.267.031.795	42.267.031.795
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty CP Hancorp	Liên doanh, liên kết	67.000.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
<b>Giao dịch mua</b>			
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Liên doanh, liên kết	-	7.964.718.400
Cty CP thiết bị & vật liệu XD Hancorp	Liên doanh liên kết	298.000.000	-
Công ty CP xây dựng số 2	Liên doanh liên kết	-	923.695.515
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Xây lắp	Liên doanh liên kết	-	36.947.181.232
Công ty Cổ phần Hancorp	Liên doanh liên kết	149.569.007.385	14.088.181.818
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 34	Liên doanh liên kết	-	3.493.680.005
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Liên doanh liên kết	-	20.478.569.415
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Hancorp 1	Công ty con	13.655.295.455	1.971.818.182
Cty CP Công nghệ và XD Hancorp 5	Liên doanh liên kết	15.012.338.062	12.233.157.273
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	-	-
Công ty CP ĐT XD bất động sản Lanmak	Liên doanh liên kết	9.728.423.361	53.994.218.182
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng	Công ty con	-	2.651.111.738
Công ty CP Tư vấn TKXD và KD Nhà	Liên doanh liên kết	-	3.528.972.260
<b>Cổ tức</b>			
Công ty CP ĐT và XD LANMAK	Công ty liên kết	-	1.890.000.000
Công ty CP kinh doanh vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	-	540.000.000
Công ty CP XD số 1 Hà Nội	Công ty con	-	4.834.638.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế và kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	-	221.400.000
Công ty CP Trung Đô	Công ty liên kết	6.044.064.000	6.044.064.000
Công ty CP Lắp máy điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	-	540.000.000
Công ty CP thi công Cơ giới Xây lắp	Công ty liên kết	840.000.000	1.050.000.000
Công ty CP Xây dựng số 2	Công ty liên kết	-	294.756.000
Công ty Cổ phần Bạch đằng	Công ty liên kết	183.583.080	-
Công ty Cổ phần Đầu tư khai thác nhà ga quốc tế Đà Nẵng	Công ty liên kết	4.500.000.000	-
<b>Giao dịch lãi vay</b>			
Công ty CP thiết bị và VLXD Hancorp	Công ty con	287.726.000	-
Công ty CP Cơ khí và xây dựng	Công ty liên kết	709.401.000	-
Công ty TK- XD kinh doanh nhà	Công ty liên kết	11.941.000	-
Công ty CP thi công Cơ giới và XL	Công ty liên kết	95.528.000	-
Công ty CP lắp máy cơ giới và XD ( Cty con)	Công ty liên kết	112.245.000	-
Công ty CP Hancorp 3	Công ty liên kết	338.918.000	-
Công ty CP Hancorp	Công ty liên kết	2.205.583.000	-
Công ty CP Hancorp 2- K2	Công ty liên kết	1.598.847.000	-
Công ty CP đầu tư và PT xây dựng	Công ty đầu tư khác	764.222.000	-
Công ty Xây dựng Quốc tế	Đơn vị phụ thuộc	220.078.000	-



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30/6/2019 như sau:

<b>Lĩnh vực</b>	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động kinh doanh BĐS</b>	<b>Các hoạt động khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	422.746.994.084	33.185.428.913	5.118.080.643	461.050.503.640
Giá vốn hàng bán	415.512.653.743	26.767.734.396	3.756.027.156	446.036.415.295
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7.234.340.341</b>	<b>6.417.694.517</b>	<b>1.362.053.487</b>	<b>15.014.088.345</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.234.340.341	6.417.694.517	1.362.053.487	15.014.088.345
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	18.221.516.699	18.221.516.699
Chi phí tài chính	-	-	(12.549.500.167)	(12.549.500.167)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	(21.714.042.986)	(21.714.042.986)
Lợi nhuận khác	-	-	2.354.845.527	2.354.845.527
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(978.753.754)	-	-	(978.753.754)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>348.153.664</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ kết thúc 30/6/2019 như sau:

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động kinh doanh BĐS</b>	<b>Các hoạt động khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tổng chi phí mua TSCĐ	70.872.727	-	-	70.872.727
Tài sản bộ phận	1.208.533.198.006	2.304.954.947.628	174.607.267.447	3.688.095.413.081
Các khoản phải thu	576.549.848.993	335.058.579.106	22.860.066.101	934.468.494.200
Tài sản không phân bổ				(94.853.417.520)
<b>Tổng tài sản</b>				<b>4.527.781.362.488</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	1.859.635.186.600	1.312.001.211.833	209.616.618.927	3.381.253.017.360
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	(455.673.560.553)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.925.579.456.807</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a-DN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán độc lập và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2019

**Người lập**

**Nguyễn Thanh Huyền**

**Kế toán trưởng**

**Dương Ngọc Quang**

**Tổng Giám đốc**



**Đậu Văn Diện**